

Bản án số: **08/2025/HNGĐ-ST**

Ngày: 16/7/2025

V/v TC Ly hôn và nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh Đa.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Diễm Huyền.

2. Bà Hồ Thị Thanh Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Hiến – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 – Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Quách Thị Đào - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 73A/2025/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2025 về “*Tranh chấp Ly hôn và nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 255/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 02/6/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 197/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 25/6/2025, giữa:

- Nguyên đơn: Bà **Lưu Thị Ngọc H**, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã T, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã T, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn, qua xem xét lời khai và yêu cầu của các đương sự, qua xét hỏi trước tòa, nội dung vụ án được xác định như sau:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/3/2025, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bà H trình bày: Bà và ông C cưới nhau vào năm 2008, đến năm 2009 mới đăng ký kết hôn và đã được UBND xã T cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 28/02/2008. Bà và ông C có 01 con chung tên Nguyễn Khánh V, sinh ngày 10/7/2008 hiện đang sống chung với bà và ông C. Quá trình chung sống, bà và ông C thường phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không cùng quan điểm, sống chung không còn hạnh phúc. Bà và ông C vẫn sống chung nhà nhưng ông bà không còn

quan tâm chăm sóc và sinh hoạt gia đình cùng nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng rạn nứt và không còn hạnh phúc, hôn nhân không hàn gắn được. Nay bà H yêu cầu Tòa án giải quyết: Về hôn nhân: Bà H yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn C; Về con chung: Bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Khánh V, sinh ngày 10/7/2008 cho đến khi con đủ 18 tuổi và không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn C: Từ khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cho đến nay, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông C nhưng ông không tham gia tố tụng, cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của ông nên Tòa án không thể thu thập được lời khai và yêu cầu của ông C.

Nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện, bị đơn vắng mặt nên các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 như thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự, quan hệ tranh chấp, thu thập chứng cứ. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ; Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình không có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy tại phiên tòa, bà Lưu Thị Ngọc H có yêu cầu xét xử vắng mặt; ông Nguyễn Văn C đã được tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Bà H và ông C cưới nhau trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Bà H và ông C sống chung phát sinh nhiều mâu thuẫn nhưng không tìm biện pháp hàn gắn dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và kéo dài. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập các đương sự tham gia các phiên hòa giải nhằm tạo điều kiện cho bà H và ông C gặp nhau để tìm biện pháp hàn gắn và đoàn tụ nhưng ông C không tham gia, cũng không có ý kiến phản đối. Hội đồng xét xử thấy rằng, hôn nhân phải xây dựng trên tinh thần tự nguyện. Nay bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu

khởi kiện, kiên quyết ly hôn với ông C. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H.

[2.2] Về con chung: bà H và ông C có một con chung tên Nguyễn Khánh V, sinh ngày 10/7/2008. Xét thấy, bà H có yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi và cháu V cũng có nguyện vọng được sống chung với bà H sau khi bà H và ông C ly hôn. Ông C không có ý kiến phản đối hay có tranh chấp gì. Xét thấy, việc giao con chung cho bà H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là cần thiết, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung, cũng như ổn định môi trường sống cho con chung. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cháu Nguyễn Khánh V, sinh ngày 10/7/2008 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi. Ông C có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định tại Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình, không ai được quyền cản trở. Ghi nhận việc bà H không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát: Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân như đã phân tích trên.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227, Điều 228; Điều 238, Điều 271, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

TUYÊN XỬ:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Lưu Thị Ngọc H.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lưu Thị Ngọc H được ly hôn với ông Nguyễn Văn C.

1.2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Khánh V, sinh ngày 10/7/2008 cho bà Lưu Thị Ngọc H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu V đủ 18

tuổi. Ông Nguyễn Văn C được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung theo quy định của pháp luật, không ai được quyền cản trở.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận việc bà H không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung.

1.4. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Án phí sơ thẩm: Bà Lưu Thị Ngọc H phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch, được khấu trừ vào 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà bà H đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0009686 ngày 31/3/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 10 – Cần Thơ).

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật, để Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND khu vực 10 – Cần Thơ;
- Phòng THADS khu vực 10, THADS TP. Cần Thơ;
- UBND xã A, TP. Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Linh Đa